

BIÊN BẢN

Niêm yết công bố công khai quản lý và sử dụng tài sản công năm 2024

Hôm nay, vào hồi 8h00 ngày 03 tháng 01 năm 2025

Tại: Trường TH Lê Hồng Phong.

1.	Bà	Vũ Thị Hồng	Hiệu trưởng
2.	Bà	Lê Thị Khánh Hồng	Phó hiệu trưởng
3.	Bà	Lê Thị Thanh Hương	CTCD
4.	Bà	Phạm Thị Lân	Kế toán
5.	Bà	Phạm Võ Hoài Thùy	Y tế kiêm thủ quỹ
6.	Bà	Chu Thị Hà Loan	CB Thanh tra nhân dân

Lập biên bản về việc niêm yết công bố công khai quản lý và sử dụng tài sản công theo thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 bằng hình thức Niêm yết tại bảng công khai văn phòng Trường Tiểu Học Lê Hồng Phong trang Website <https://thlehongphong.tptdm.edu.vn/> kèm theo các mẫu số 09a-CK/TSC, mẫu số 09b-CK/TSC, mẫu số 09c-CK/TSC, mẫu số 09đ-CK/TSC, mẫu số 09d-CK/TSC.

Thời gian niêm yết: ngày 03 tháng 01 năm 2025 sẽ kết thúc việc niêm yết vào ngày 03 tháng 02 năm 2025 (30 ngày liên tục).

Biên bản lập xong hồi 9h00 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN



Phạm Thị Lân



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Vũ Thị Hồng

ĐẠI DIỆN NHỮNG NGƯỜI DỰ NIÊM YẾT

1. Lê Thị Thanh Hương

3. Phạm Võ Hoài Thùy

2. Lê Thị Khánh Hồng

4. Chu Thị Hà Loan

Bộ, tỉnh: Tỉnh Bình Dương
Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Thủ Dầu Một
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu Học Lê Hồng Phong
Mã đơn vị: 1093126
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2024

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm						127.915						
4	Tài sản cố định khác						127.915						
	Loa tiếng anh các lớp cơ sở 2(loa, bộ phân vùng, amply, micro, tủ...)	Bộ	1	FLB WS - 608	Trung Quốc	2024	28.595	Mua sắm trực tiếp					
	Mái chedi động có khung cố định	mét	1		Việt Nam	2024	99.320						
	Tổng cộng						127.915						

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

leuu
Phạm Thị Lân

Ngày 31 tháng 12 năm 2024



Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)
Vũ Thị Hồng
Vũ Thị Hồng

Bộ, tỉnh: Tỉnh Bình Dương
Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Thủ Dầu Một
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu Học Lê Hồng Phong
Mã đơn vị: 1093126
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
Năm 2024

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 226, Phạm Ngũ Lão, P. Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương	7.409,10	72.673.099		7.409,10																	
2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Phạm Ngũ Lão. P.Hiệp Thành, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương	1.354,70	16.906.656		1.354,70																	
3	Nhà mái ngói									2016	470,00	914.440	351.714		470,00							
4	Sửa chữa, cải tạo, sửa chữa Trường TH Lê Hồng Phong									2021	1,00	14.204.000	13.067.680		1,00							
5	Sửa chữa, cải tạo, sửa chữa Trường TH Lê Hồng Phong									2022	1,00	122.104	117.220		1,00							

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
6	Trường TH Lê Hồng Phong									2003	2.793,3 ₃	18.673.819	9.890.020		2.793,33						
	Tổng cộng:	8.763,80	89.579.755		8.763,80						3.265,3 ₃	33.914.363	23.426.635		3.265,33						

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Phạm Thị Lâm

Phạm Thị Lâm

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Vũ Thị Hồng

Bộ, tỉnh: Tỉnh Bình Dương

Mẫu số 09c-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Thủ Dầu Một

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu Học Lê Hồng Phong

Mã đơn vị: 1093126

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC

Năm 2024

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Tài sản cố định khác		304	6.419.076	6.419.076		1.087.179							
	Năm 2003		130	2.318.877	2.318.877									
1	Hệ thống âm thanh	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	19.998	19.998				x					x
2	hệ thống mạng phòng vi tính	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	18.500	18.500				x					x
3	lò nướng inox	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	20.000	20.000				x					x
4	máy cắt thịt inox	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	17.000	17.000				x					x
5	máy đèn chiếu	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	3	130.010	130.010				x					x
6	máy photo	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	23.000	23.000				x					x
7	Máy vi tính	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	64	781.562	781.562				x					x
8	máy vi tính bàn	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	16.650	16.650				x					x
9	máy vi tính bàn	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	34	427.720	427.720				x					x
10	Máy vi tính Xách tay	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	19	271.370	271.370				x					x
11	nồi hấp cơm	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	54.000	54.000				x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
12	Ôn áp	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	10.512	10.512				x					x
13	Tivi plasma	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	462.655	462.655				x					x
14	tủ hấp cơm 2 cánh inox	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	65.900	65.900				x					x
	Năm 2013		1	61.100	61.100									
1	máy photo	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	61.100	61.100				x					x
	Năm 2014		1	80.553	80.553									
1	Bộ loa học ngoại ngữ	Phòng văn thư	1	80.553	80.553									
	Năm 2015		3	222.000	222.000									
1	bảng tương tác	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	3	222.000	222.000				x					x
	Năm 2019		21	478.473	478.473		7.234							
1	Hệ thống âm thanh sinh hoạt tập trung chào cờ có tủ rack âm thanh	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	160.460	160.460				x					x
2	Máy photocopy	Phòng văn thư	1	72.343	72.343		7.234		x					x
3	Máy vi tính để bàn	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	19	245.670	245.670				x					
	Năm 2020		102	1.955.823	1.955.823		216.129							
1	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
2	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
3	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
4	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
5	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
6	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
7	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
8	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
9	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
10	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
11	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
12	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
13	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.806	14.806									
14	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
15	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
16	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
17	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
18	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
19	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
20	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
21	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
22	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
23	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	16.258	16.258									
24	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	16.258	16.258									
25	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
26	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
27	Ti vi Sharp 4T 50 inches	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	19.500	19.500									
28	Ti vi Sharp 4T 50 inches	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	19.500	19.500									
29	Ti vi Sharp 4T 50 inches	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	19.500	19.500									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
30	Ti vi Sharp 4T 50 inches	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	19.500	19.500									
31	Ti vi Sharp 4T 50 inches	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	19.500	19.500									
32	Ti vi Sharp 4T 50 inches	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	19.500	19.500									
33	Ôn áp 30KVA	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	20.500	20.500									
34	Ôn áp 20KVA	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	10.400	10.400									
35	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
36	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
37	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.806	14.806									
38	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
39	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
40	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
41	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
42	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
43	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
44	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.806	14.806									
45	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
46	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
47	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
48	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
49	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
50	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
51	Máy vi tính học sinh Ed8100TO	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	14.300	14.300									
52	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
53	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
54	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
55	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
56	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
57	Máy vi tính (1 máy cho giáo viên có bàn, ghế)	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	16.700	16.700									
58	Máy vi tính (1 máy cho giáo viên có bàn, ghế)	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	16.700	16.700									
59	Máy photocopy siêu tốc in đề thi (Máy in siêu tốc in đề thi)	Phòng hiệu phó	1	78.108	78.108		20.224							
60	Máy lạnh treo tường 2,0HP	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	11.800	11.800		4.425							
61	Máy lạnh treo tường 2,0HP	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	11.800	11.800		4.425							
62	Máy lạnh treo tường 2,0HP	Phòng tin học (35 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	11.800	11.800		4.425							
63	Máy lạnh treo tường 2,0HP	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	11.800	11.800		4.425							
64	Máy chiếu, màn chiếu	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	38.360	38.360									
65	Máy chiếu, màn chiếu	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	35.280	35.280									
66	Máy chiếu, màn chiếu	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	35.280	35.280									
67	Loa cầm tay	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	11.198	11.198									
68	Bộ thiết bị dạy Tự nhiên xã hội	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	45.240	45.240		16.965							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
69	Bộ thiết bị dạy Toán	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	104.015	104.015		39.006							
70	Bộ thiết bị dạy Tiếng Việt	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	64.210	64.210		24.079							
71	Bộ thiết bị dạy Mỹ Thuật	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	80.534	80.534		30.200							
72	Bộ thiết bị dạy Hoạt động trải nghiệm	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	11.525	11.525		4.322							
73	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
74	Bộ thiết bị dạy Đạo đức	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	14.360	14.360		5.385							
75	Bộ thiết bị dạy Âm nhạc	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	69.085	69.085		25.907							
76	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
77	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
78	Bộ thiết bị dạy Giáo dục thể dục	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	86.244	86.244		32.342							
79	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
80	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
81	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
82	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
83	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
84	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
85	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
86	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
87	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	18.720	18.720									
88	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
89	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
90	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
91	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
92	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
93	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
94	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
95	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
96	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
97	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
98	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
99	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
100	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
101	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
102	Máy vi tính học sinh Ed5400TO	Phòng tin học (40 máy HS, 1 máy GV có bàn và ghế)	1	13.570	13.570									
	Năm 2022		1	152.000	152.000		121.600							
1	Đầu nối nước thải	Trường tiểu học Lê Hồng Phong	1	152.000	152.000		121.600		x					
	Năm 2023		43	1.022.336	1.022.336		629.952							
1	Máy cắt rau có lá và thân	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	25.000	25.000		15.625							
2	Tủ bàn phân phối	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	16.000	16.000		10.000							
3	Máy cắt thịt	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	20.000	20.000		12.500							
4	Máy giặt	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	20.000	20.000		8.000							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
5	Máy giặt	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	20.000	20.000		8.000							
6	Máy nấu sữa đậu nành	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	40.000	40.000		25.000							
7	Máy vắt nước trái cây bằng inox	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	10.000	10.000		6.250							
8	Máy xay thịt	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	15.000	15.000		9.375							
9	Sửa camera giám sát	Phòng hiệu trưởng	1	12.836	12.836		8.015							
10	Tủ hấp cơm công nghiệp	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	45.000	45.000		28.125							
11	Tủ bàn phân phối thức ăn	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	16.000	16.000		10.000							
12	Tủ bàn phân phối thức ăn	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	16.000	16.000		10.000							
13	Tủ bàn phân phối thức ăn	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	16.000	16.000		10.000							
14	Tủ sấy khay, muông tiết trung bằng Ozon	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	65.500	65.500		40.938							
15	Tủ hấp cơm công nghiệp	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	45.000	45.000		28.125							
16	Tủ hấp khăn công nghiệp	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	47.000	47.000		29.375							
17	Tủ hấp khăn công nghiệp	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	47.000	47.000		29.375							
18	Tủ sấy khay, muông tiết trung bằng Ozon	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	65.500	65.500		40.938							
19	Hệ thống máng hút khói công nghiệp	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	10.000	10.000		6.250							
20	Tủ bàn phân phối	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	16.000	16.000		10.000							
21	Hệ thống máng hút khói công nghiệp	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	10.000	10.000		6.250							
22	Bồn rửa inox công nghiệp	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	20.000	20.000		12.500							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
23	Hệ thống máng hút khói công nghiệp	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	10.000	10.000		6.250							
24	Bàn cắt thái	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	10.000	10.000		6.250							
25	Bàn tiếp phẩm	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	10.000	10.000		6.250							
26	Bàn tiếp phẩm	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	10.000	10.000		6.250							
27	Bếp đơn và nồi hầm xương bán công nghiệp	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	15.000	15.000		9.375							
28	Bếp gas công nghiệp	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	35.000	35.000		21.875							
29	Bếp gas công nghiệp	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	35.000	35.000		21.875							
30	Bộ dụng cụ nhà bếp	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	38.000	38.000		23.750							
31	Bộ dụng cụ nhà bếp	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	38.000	38.000		23.750							
32	Hệ thống máng hút khói công nghiệp	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	10.000	10.000		6.250							
33	Bộ dụng cụ nhà bếp	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	38.000	38.000		23.750							
34	Bồn rửa inox công nghiệp rửa khay, chén muỗng	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	20.000	20.000		12.500							
35	Dàn cấp ga 08 bình loại 45-50 kg và hệ thống dẫn đi từ dàn cấp ga đến 7 thiết bị đốt	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	50.000	50.000		31.250							
36	Đường dẫn nước sạch đến lò nấu bằng inox SUS 304	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	25.500	25.500		15.938							
37	Hệ thống máng hút khói công nghiệp	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	10.000	10.000		6.250							
38	Hệ thống máng hút khói công nghiệp	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	10.000	10.000		6.250							
39	Hệ thống máng hút khói công nghiệp	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	10.000	10.000		6.250							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
40	Hệ thống máy hút khói công nghiệp	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	10.000	10.000		6.250							
41	Hệ thống máy hút khói công nghiệp	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	10.000	10.000		6.250							
42	Hệ thống máy hút khói công nghiệp	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	10.000	10.000		6.250							
43	Bồn rửa inox công nghiệp rửa khay, chén muỗng	Nhà đa năng được kết hợp làm nhà ăn + bếp	1	20.000	20.000		12.500							
	Năm 2024		2	127.915	127.915		112.264							
1	Loa tiếng anh các lớp cơ sở 2(loa, bộ phân vùng, amply, micro, tù...)	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	1	28.595	28.595		22.876							
2	Mái chedi động có khung cố định	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	1	99.320	99.320		89.388							
	Tổng cộng		304	6.419.076	6.419.076		1.087.179							

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Phạm Thị Lâm

Phạm Thị Lâm

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Vũ Thị Hồng

Bộ, tỉnh: Tỉnh Bình Dương
Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Thủ Dầu Một
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu Học Lê Hồng Phong
Mã đơn vị: 1093126
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09đ-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2024

Stt	Tên tài sản	Kinh doanh			Cho thuê						Liên doanh, liên kết					
		Số lượng/ diện tích tài sản kinh doanh	Hình thức kinh doanh	Số tiền thu được từ việc kinh doanh trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản cho thuê	Đơn giá thuê	Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức thuê tài sản	Hợp đồng cho thuê tài sản (số ..., ngày...)	Thời hạn cho thuê (từ ... đến ...)	Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản liên doanh, liên kết	Đối tác liên doanh liên kết	Hình thức liên doanh, liên kết	Hợp đồng liên doanh, liên kết (số ..., ngày...)	Thời hạn liên doanh, liên kết (từ ... đến ...)	Số tiền thu được từ việc liên doanh, liên kết trong năm (Nghìn đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
II	Nhà															
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác															
	Tổng cộng															

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Phạm Thị Lân

Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Vũ Thị Hồng


Bộ, tỉnh: Tỉnh Bình Dương
Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Thủ Dầu Một
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu Học Lê Hồng Phong
Mã đơn vị: 1093126
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2024

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Ngìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Ngìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
II	Nhà	14.326.104		13.184.900												
1	Sửa chữa, cải tạo, sửa chữa Trường TH Lê Hồng Phong tại P. Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	122.104		117.220				x								
2	Sửa chữa, cải tạo, sửa chữa Trường TH Lê Hồng Phong tại P. Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	14.204.000		13.067.680				x								
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác															

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Phạm Thị Lân

Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)
Vũ Thị Hồng

Bộ, tỉnh: Tỉnh Bình Dương
Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Thủ Dầu Một
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu Học Lê Hồng Phong
Mã đơn vị: 1093126
Loại hình đơn vị: Khóis sự nghiệp

Mẫu số 10a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2024

DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m2; Nguyên giá là: Nghìn đồng.

STT	TÀI SẢN	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG/MUA SẮM			TIẾP NHẬN			THUÊ		
		Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trường Tiểu Học Lê Hồng Phong - Mã QHNS: 1093126	2		127.915						
	1 - Đất khuôn viên									
	2 - Nhà									
	3 - Xe ô tô									
	4 - Tài sản cố định khác	2		127.915						
	Tổng cộng	2		127.915						

Người lập báo cáo
(Ký và ghi rõ họ tên)


Phạm Thị Lân

Lập, ngày 31. tháng 12. năm 2024
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)




Vũ Thị Hồng

Bộ, tỉnh: Tỉnh Bình Dương
Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Thủ Dầu Một
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu Học Lê Hồng Phong
Mã đơn vị: 1093126
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 10b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG
Năm 2024

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trường Tiểu Học Lê Hồng Phong - Mã QHNS: 1093126	310	12.029,13							
	1 - Đất khuôn viên	2	8.763,80		8.763,80					
	2 - Nhà	4	3.265,33		3.265,33					
	3 - Xe ô tô									
	4 - Tài sản cố định khác	304		72,00	168,00				64,00	
	Tổng cộng	310	12.029,13							

... lập, ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Vũ Thị Hồng

30, tỉnh: Tỉnh Bình Dương
Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Thủ Dầu Một
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu Học Lê Hồng Phong
Mã đơn vị: 1093126
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 10c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2024

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m2; Nguyên giá là: Nghìn đồng.

Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Thu hồi				Điều chuyển				Bán				Thanh lý				Tiêu hủy				Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại				Chuyển giao về địa phương				Xử lý khác				Ghi chú
	SL	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	SL	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	SL	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	SL	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	SL	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	SL	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	SL	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	SL	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35
Trường Tiểu Học Lê Hồng Phong - Mã QHNS: 1093126																	2	2,00	14.326.104	13.184.900													
1 - Đất khuôn viên																																	
2 - Nhà																	2	2,00	14.326.104	13.184.900													
3 - Xe ô tô																																	
4 - Tài sản cố định khác																																	
Tổng cộng																	2	2,00	14.326.104	13.184.900													

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Phạm Thị Lân

Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)
Vũ Thị Hồng



Bộ, tỉnh: Tỉnh Bình Dương
Cơ quan quản lý cấp trên: Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Thủ Dầu Một
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu Học Lê Hồng Phong
Mã đơn vị: 1093126
Loại hình đơn vị: Khó khăn sự nghiệp

Mẫu số 10d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2024

DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m2; Nguyên giá/Giá trị còn lại/Số tiền thu được là: Nghìn đồng.

STT	TÀI SẢN	KINH DOANH				CHO THUÊ				LIÊN DOANH, LIÊN KẾT			
		Số lượng/diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số tiền thu được từ việc kinh doanh trong năm	Số lượng/diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm	Số lượng/diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số tiền thu được từ việc liên doanh, liên kết trong năm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	- Mã QHNS:												
	Tổng cộng												

Lập....., ngày 31. tháng 12 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Vũ Thị Hồng